

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ THĂNG LONG - HÀ NỘI

NGUYỄN VIỆT CHÚC*

Thăng Long - Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá có lịch sử hàng nghìn năm kể từ khi Lý Thái Tổ chọn làm Kinh đô vào năm 1010. Trước đó, viên Thái thú Cao Biền cũng lấy đất này làm Thủ phủ và đặt tên là Đại La. Bên kia sông Hồng, Thành Cổ Loa - Kinh đô của Thục An Dương vương cũng đã có cách đây hơn hai ngàn năm. Phía bắc Thăng Long xưa là Mê Linh - Thủ phủ của Trưng Vương cũng đã cách ngày nay gần hai nghìn năm, nay là một huyện của Hà Nội thời hiện đại. Nói như vậy để thấy, Thăng Long xưa hay Hà Nội hiện nay là đất địa linh, nhân kiệt trải thăng trầm lịch sử đã có biết bao hào kiệt, vua sáng, tôi hiền, kẻ sĩ cùng nhân dân anh hùng viết nên trang sử huy hoàng của dân tộc. Trải đời này qua đời khác, vượt thời gian và sự mất mát to lớn trong các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, cái còn lại vô cùng quý giá chính là di sản văn hoá Thăng Long – Hà Nội, mà trước tiên là người và đất Thăng Long – Hà Nội nghìn năm văn hiến. Trên mảnh đất không lớn này, từ núi Tản, sông Đà đến Cổ Loa, Ba Đình lịch sử đã lưu giữ trong lòng nó không biết bao nhiêu di sản văn hoá vô cùng quý giá. Có những di tích, những cổ vật trường tồn hàng trăm năm, thậm chí hàng ngàn năm, mặc cho sự công phá tàn nhẫn của thời gian và chiến tranh. Theo

thống kê của ngành văn hoá Hà Nội, có tới gần 5 nghìn di tích, trong đó có hơn một nghìn di tích đã được xếp hạng. Có những di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới như: Hoàng thành Thăng Long, bia Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Lễ hội Gióng. Và còn nhiều di sản văn hoá khác rất nổi tiếng của Hà Nội như: Thành Cổ Loa, chùa Một Cột, Hồ Hoàn Kiếm, chùa Hương, chùa Tây Phương, làng cổ Đường Lâm... Nhưng có lẽ còn lớn hơn thế là giá trị văn hoá phi vật thể Thăng Long - Hà Nội, cái làm nên lối sống, nếp sống, cốt cách người Hà Nội bình dị mà tao nhã, uyên bác mà khiêm nhường, dũng cảm mà nhân hậu, dễ gần mà không xuông xã. Thời chiến tranh khốc liệt có người nước ngoài đã gọi Hà Nội là lương tâm, phẩm giá con người. Trong truyền thống cũng lưu truyền niềm tự hào về cốt cách thanh lịch đặc trưng của người Hà Nội:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

Về giá trị di sản văn hoá Thăng Long – Hà Nội đã có nhiều công trình nghiên cứu và giới thiệu khá tỷ mỉ, hấp dẫn. Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi cố gắng lý giải hoặc chỉ ít cũng là đặt vấn đề về việc bảo tồn và phát huy những giá trị đó như thế nào vì sự phát triển bền vững của Thủ đô Hà Nội nói riêng và của Việt Nam nói chung.

* TS. Viện Nghiên cứu Văn hóa Thăng Long.

Trên thực tế, nhiều năm qua cũng đã có nhiều việc làm cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá Thăng Long – Hà Nội. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra vẫn xưa cũ là làm thế nào để bảo tồn được các giá trị văn hoá ấy? Hơn thế nữa là làm thế nào để phát huy các giá trị văn hoá ấy trong đời sống đương đại vì sự phát triển bền vững? Vấn đề đặt ra quả không mới, nhưng chưa có câu trả lời thoả đáng. Mặt khác, vẫn tồn tại những nghịch lý mà nhiều nhà khoa học và báo chí phải lên tiếng: càng trùng tu, càng bảo tồn lại càng làm mất đi di sản văn hoá cả vật thể, cả phi vật thể! Các nhà quản lý văn hoá, những người chịu trách nhiệm và có quyền thực hiện việc bảo tồn các di sản văn hoá thường phân trần rằng: các di sản văn hoá đang xuống cấp nghiêm trọng, nhân dân đòi hỏi phải chống xuống cấp ngay, tránh sự sụp đổ của các công trình, sự thất truyền của di sản văn hoá phi vật thể. Nếu không làm kịp thời, các di tích sớm thành phế tích. Vấn đề bảo tồn đã khó, việc phát huy giá trị di sản cũng không dễ, còn nhiều vấn đề nan giải. Bảo tồn di sản để làm gì nếu nó không có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay? Di tích, di sản mà không có người yêu quý, thể hiện qua việc thăm viếng, tìm hiểu và tôn vinh nó, thì có ý nghĩa gì?

Gần đây nhất là việc trùng tu, sửa chữa chùa Trăm gian, một trong những di sản văn hoá vật thể độc đáo của Hà Nội cũng bộc lộ khá nhiều điều bất cập trong quản lý cũng như trong nhận thức, cách thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. Điều đó cho chúng ta thấy, để giải quyết vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hoá cần làm sáng tỏ một loạt vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Trước hết, nói về nhận thức. Nhận thức về ý nghĩa và sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá Thăng Long – Hà Nội có lẽ đã rõ, không cần bàn thêm. Vấn đề bảo tồn như thế nào? phát huy ra làm sao? mới là cái cần trao đổi kỹ để đi đến sự thống nhất trong hành động, tránh “đèo cày giữa đường”, tránh “nhắm mắt làm liều”, đồng thời cũng tránh “nhắm mắt làm ngơ” mặc cho di sản xuống cấp đổ vỡ hoặc mai một dần biến mất. Trên thế giới cũng tồn tại những trường phái khác nhau. Nhiều nơi có xu hướng giữ nguyên gốc cho dù nó đồ nát. Nhưng cũng có nhiều nước cho phục dựng di tích như nó vốn có. Tuy nhiên, đã là phục dựng thì dù “khéo” đến đâu cũng không phải là nguyên gốc. Hiện đang tồn tại khái niệm “**bảo tồn nguyên gốc**”, nhưng chưa có sự thống nhất cách hiểu và cách làm dẫn đến tình trạng có chỗ “làm liều”, làm hỏng di tích, có chỗ “làm ngơ” mặc cho di tích xuống cấp. Người “làm liều” có lý sự rằng: di tích đã xuống cấp nghiêm trọng, nếu không tu sửa, nó đổ vỡ sẽ không còn cái mà bảo tồn, chứ đừng nói gì đến nguyên gốc! Đất Thăng Long – Hà Nội có hàng ngàn di tích chủ yếu được xây dựng bằng vật liệu gạch, gỗ cách đây hàng trăm năm, thậm chí lâu hơn thế, đã đến thời kỳ các kết cấu gỗ và gạch không còn vững chắc, nhiều di tích đã xuống cấp nghiêm trọng có nguy cơ đổ vỡ, cần phải chống xuống cấp kịp thời. Yêu cầu đó dẫn tới một loạt bất cập: trước tiên là kinh phí! Ai cũng thấy cần đầu tư, nhưng những yêu cầu đầu tư khác cũng hết sức cần thiết, nên nhiều năm việc đầu tư chống xuống cấp di tích rất hạn chế, không đáp ứng yêu cầu thực tế. Các di tích đã xuống cấp, càng xuống cấp nghiêm trọng. Càng xuống cấp,

yêu cầu tài chính càng lớn hơn, càng dẫn tới bất cập trong thủ tục phê duyệt và triển khai dự án, nhất là trong điều kiện “xin – cho” vẫn tồn tại như một thực tế khách quan! Chính điều này dẫn tới một số địa phương, một số tổ chức và cá nhân khi bố trí được kinh phí trùng tu di tích đã tìm mọi cách “lách luật” để “xin” và được “cho” làm mà không đủ hiểu biết cũng như tính toán kỹ lưỡng tránh hệ lụy làm mất đi yếu tố nguyên gốc của di tích. Khái niệm “yếu tố nguyên gốc” cũng xuất hiện từ thực tế này. Việc “làm mới” Tháp Rùa Hồ Hoàn Kiếm xảy ra đã lâu, lại được lặp lại khi “làm mới” Ô Quan Chưởng thời gian gần đây làm người ta bàn luận nhiều về việc giữ gìn nguyên gốc các di sản. Nhiều nhà khoa học đặt ra yêu cầu bắt buộc phải giữ nguyên gốc di sản, không còn nguyên gốc đồng nghĩa với việc làm mất di sản. Các nhà báo dùng cách nói riêng “di sản ngàn năm tuổi bị biến thành công trình một tuổi” để phê phán gay gắt cách “làm mới” di tích đồng nghĩa với việc phá di tích. Tuy nhiên, khi nghe các nhà quản lý trực tiếp phân trần cũng thấy có cái lý trong thực tiễn: việc “làm mới” di tích cần lên án, nhưng việc giữ nguyên gốc di sản chỉ đơn giản cho người nói, không dễ cho người làm. Cụ thể là nhiều di sản không còn “gốc thật” để mà giữ. Chẳng hạn, chùa Một Cột có từ thời Lý, nhưng cũng mới được dựng lại sau hoà bình (năm 1954). Có kiến trúc sư sống gần chùa hơn nửa thế kỷ nay còn khẳng định: “Ròng chầu ở chùa Một Cột rất đặc biệt, như nó không thể bao giờ!” Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng từ thời Lý, nhưng cũng không còn “nguyên gốc” nữa. Tường Văn Miếu cũng được xây bằng gạch vồ thu lượm từ một công trình

khác. Bia tiến sĩ cũng được dựng vào thời Lê và được phục dựng cùng nhà bia vào thời hiện đại! Khuê Văn Các dựng vào thời Nguyễn. Vậy muốn giữ nguyên gốc sẽ phải lấy gốc nào? Trên thực tế, sự bổ sung bia tiến sĩ thời nhà Lê, Khuê Văn Các thời nhà Nguyễn, và ngay cả việc xây nhà bia mới đây cũng là nối tiếp truyền thống và làm sâu sắc hơn tư tưởng tôn thờ sự học, hiếu kính người thầy, tôn vinh “hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Việc xây dựng một công trình mới theo kiến trúc cũ làm nơi thờ các vị vua có công xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám qua các triều đại, đồng thời thờ Chu Văn An – Vạn thế sư biểu với tư cách là Tư nghiệp Quốc Tử Giám cũng là nối tiếp truyền thống tôn thờ các bậc thầy mẫu mực trong lịch sử giáo dục Việt Nam. *Vậy việc giữ nguyên gốc ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là giữ nguyên gốc tư tưởng kính thầy, hiếu học, trọng hiền tài chứ không chỉ nguyên gốc cái vật chất chứa đựng tư tưởng đó.* Trong lý luận cũng như trong quản lý, người ta đưa ra khái niệm di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, trên thực tế giá trị di sản dù là vật thể hay phi vật thể đều được tạo bởi cả hai yếu tố vật thể và phi vật thể, nếu không muốn nói yếu tố phi vật thể có ý nghĩa hơn nhiều và có sức sống trường tồn. Vậy giữ nguyên gốc trước tiên và bao trùm phải là nguyên gốc giá trị di sản, chứ không chỉ nguyên gốc cái vật chất tạo nên di sản đó. Nói như vậy không có nghĩa là giá trị vật chất của di sản bị coi nhẹ, càng không đồng nghĩa với việc tùy tiện làm mất đi cái gốc vật chất làm nên di sản. Chúng tôi muốn nhấn mạnh cách hiểu khái niệm “nguyên gốc” được vận dụng linh hoạt trong thực tiễn không được phép xa rời nguyên tắc bất di

bất dịch: không làm mất, làm biến dạng **giá trị di sản**, hay nói một cách dân dã là phải giữ kỳ được hồn cốt của di sản. Trong điều kiện có thể giữ nguyên gốc cả yếu tố vật thể và phi vật thể, yêu cầu có tính nguyên tắc phải giữ cho kỳ được cả hai yếu tố nguyên gốc đó. Trong điều kiện bất khả kháng, không thể giữ nguyên gốc yếu tố vật thể, phải cân nhắc kỹ lưỡng để có phương án tối ưu hạn chế thấp nhất sự sai lệch so với nguyên gốc (*nhiều người gọi là giữ yếu tố gốc*), đồng thời phải giữ nguyên gốc yếu tố phi vật thể của di sản. Yếu tố phi vật thể chính là cái hồn, cái cốt của di sản. Chẳng hạn, không tìm được vật liệu nguyên gốc của các Tháp Chăm, nhưng không vì thế mà làm mất hồn cốt của Tháp Chăm. Chúng ta đã kỳ công nghiên cứu chất kết dính các viên gạch xây dựng tháp, nhưng cho đến nay chưa tìm ra nó là thứ gì mà ông cha chúng ta có thể tạo ra kết cấu bền vững đến như thế với các khe hở - “mạch võ” giữa các viên gạch mỏng như sợi tóc. Vậy là việc bảo tồn yếu tố vật thể nguyên gốc đối với Tháp Chăm là không thể (ít nhất là cho đến thời điểm hiện nay). Việc các viên gạch vồ có màu đen trong tường thành Đuan Môn bị mục khuyết, phương án tối ưu chỉ là thay bằng các viên gạch vồ có kích thước và màu sắc tương tự được sản xuất thủ công hiện nay, chứ không có viên gạch nguyên gốc. Từ thực tế khách quan đó, có lẽ đã đến lúc cần thống nhất cách đặt vấn đề bảo tồn di sản văn hoá là **bảo tồn toàn bộ giá trị của di sản** chứ không chỉ là yếu tố vật chất của di sản, cho dù đó là di sản văn hoá vật thể. Nói như vậy không phải là làm khó cho những người đang đảm trách việc bảo tồn di sản, mà là làm cho việc bảo tồn không bị “bó

cứng” vào yếu tố vật thể trong điều kiện bất khả kháng. Hơn thế nữa, cần nhìn nhận người làm công tác bảo tồn như là người sáng tạo văn hoá chứ không chỉ là người “lính canh gác di sản”. Người sáng tạo văn hoá ấy phải làm sống lại di sản văn hoá trong cuộc sống hiện tại, thổi vào nó sức sống mạnh mẽ vốn có để có thể trường tồn trong tương lai. Như thế, nhiệm vụ bảo tồn di sản không chỉ là giữ hay tái tạo giá trị cũ mà còn tạo mảnh đất tốt để các giá trị mới đơm hoa, kết trái. Hãy hình dung: nếu vào Vườn Đố Phủ chỉ có vắn vắn cái lều cỏ của Đố Phủ từ thời nhà Đường thì cái vườn văn hoá ấy nghèo nàn như thế nào? Nếu Văn Miếu – Quốc Tử Giám không có Bia tiên sĩ, không có Khuê Văn Các thì giá trị của nó hạn chế ra sao? Vấn đề tưởng đã rõ, nhưng lại chưa sáng tỏ thành nhận thức chung vì nhiều người cố tình không muốn nhìn nhận như thế, thậm chí có người lợi dụng sự “linh hoạt” để “nhắm mắt làm liều” hoặc tìm cách an toàn cho mình bằng việc “nhắm mắt làm ngơ” đều gây tổn hại lớn cho di tích, đồng thời làm mờ đi nhận thức đúng đắn của việc bảo tồn di sản phải gắn liền với phát huy giá trị di sản trong hiện tại và tương lai. Di sản văn hoá vật thể hay phi vật thể cũng như những báu vật, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nếu chỉ được cất giữ một cách cẩn thận trong tủ kính tại các bảo tàng hoặc lưu giữ trong trái tim một số người là chưa đủ, nó phải hoà vào đời sống hiện tại của con người, phát huy giá trị của nó trong mọi lĩnh vực của đời sống cộng đồng, phải có mầm sống trong tương lai. Có như thế việc bảo tồn mới tròn nghĩa. Như vậy, vấn đề phát huy thực chất là một khía cạnh không thể tách rời của sự bảo tồn. Nếu giá trị di

sản văn hoá không phát huy được trong hiện tại đồng nghĩa với việc không thể bảo tồn được giá trị đó trong tương lai, dầu cái vỏ vật chất vẫn còn đó. Tiếc rằng, ý nghĩa của phát huy giá trị di sản thường chỉ được hiểu hạn hẹp trong việc sử dụng và khai thác nó như thế nào trong phát triển kinh tế! Và đôi khi vì lợi ích kinh tế người ta đã hi sinh không tiếc các giá trị văn hoá!

Về nhận thức vẫn còn tồn tại những điều khác biệt như vậy, trong quản lý và hoạt động thực tiễn còn nhiều điều bất cập hơn.

Trước tiên xin nói về phương diện pháp lý. Khi thông qua Luật Di sản cũng đã có những ý kiến cho rằng cần làm rõ địa vị pháp lý của người trụ trì các cơ sở tôn giáo (chủ yếu là đình, chùa, am, miếu, nhà thờ họ) đã được xếp hạng di tích. Vấn đề phân cấp quản lý di sản cũng cần quy định cụ thể hơn. Các văn bản pháp quy về vấn đề này cũng đã được xây dựng trên cơ sở đó. Về văn bản cũng còn những bất cập nhất định, nhưng có lẽ thực thi trong thực tiễn còn nhiều bất cập hơn. Nói phân cấp quản lý không có nghĩa là “khoán trắng” cho cơ sở, càng không phải “mở rộng” quyền cho người trụ trì các di sản văn hoá như đình, chùa... muốn sửa chữa, thay đổi thế nào cũng được. Hiện nay có tình trạng “mập mờ” này là do có nơi không hiểu, nhưng cũng do nhiều nơi cố tình không hiểu bởi nhiều lý do rất khác nhau. Có nơi thủ tục “rườm rà” người ta không chạy được mà đành “nhắm mắt” tự ý tu sửa! Có nơi cho rằng, mình chỉ làm tốt hơn cho di sản bằng cái tâm của mình chứ có lợi lộc riêng tư gì đâu mà phải “xin phép” cho mất công sức và thì giờ! Có nơi có cả các cơ quan chuyên môn vào cuộc nhưng khi triển khai thực hiện lại “đơn giản” để các kíp thợ làm

mới di sản bằng sơn quét hoặc “kiên cố hoá” di sản bằng vật liệu và cách làm mới! Những câu chuyện đã lâu rồi như sơn quét làm “mới” Tháp Rùa, Ô Quan Chưởng, Thành Nhà Mạc... và gần đây như sự kiện chùa Trăm Gian chỉ là một trong hàng trăm việc đã diễn ra trong thực tiễn hoạt động bảo tồn và phát huy di sản những năm qua. Khi sự việc xảy ra, báo giới và dư luận xã hội thường tập trung “truy tìm” tội phạm, các nhà khoa học thường báo động đỏ hết sức nguy cấp. Trong “cơn nguy cấp đó”, nhiều nhà quản lý cũng “cuồng cuồng trốn chạy, nên trả lời đến mức... ngây ngô. Một số nhà khoa học cũng vội vàng đưa ra những nhận định không nhất quán về một sự kiện trên các báo khác nhau trong cùng một thời điểm hoặc trên một báo với các số khác nhau! Tất cả sự “vội vã và cuồng cuồng” ấy làm cho việc bảo tồn di sản vốn đã khó lại càng thêm khó hơn. Vậy vấn đề cần tháo gỡ ở đây là cái gì? Theo chúng tôi, việc vi phạm, đặc biệt cố tình vi phạm, làm tổn hại tới di sản văn hoá phải được nghiêm trị. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn, cần thiết hơn, bài bản và chiến lược hơn là phải tìm cho ra câu trả lời: Vì sao xảy ra những sự cố như vậy? Có phải tất cả những người quản lý, trụ trì các đình, chùa, người phát tâm công đức tu bổ di sản đều cố ý phá đi di sản văn hoá hay không hoặc còn vì lý do nào khác? Chúng tôi cho rằng, “sự cố ý” có lẽ là vô cùng hiếm. Vậy vấn đề ở đây vẫn là cách nghĩ, cách quản lý, cách làm. Và vấn đề lại vẫn là nhận thức và hành động không thống nhất, thụ động, thiếu tự tin.

Về cách nghĩ nổi lên đó là nghĩ giản đơn, đôi khi tùy tiện tự tin vào mục đích tốt đẹp và sự hảo tâm, nhiệt huyết của mình”

với di sản văn hoá, mà coi nhẹ chuyên môn, thậm chí coi nhẹ cả những quy định có tính pháp lý của Nhà nước về di sản! Về quản lý, bất cập lớn nhất có lẽ là số lượng và chất lượng cán bộ quản lý các cấp về di sản văn hoá không đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý. Chỉ khảo sát sơ bộ cán bộ quản lý các cấp về lĩnh vực này đủ cho ta thấy bức tranh quản lý như thế nào? Mỗi xã, phường có một định biên văn – xã, nghĩa là mọi vấn đề về văn hoá, xã hội đều do cán bộ này đảm nhận. Hàng ngày, hàng tháng bao việc “cờ đèn kèn trống” mở hội, mít tinh rồi chống tệ nạn xã hội, rồi thi đua xây dựng “làng văn hoá, gia đình văn hoá”... bao việc như vậy, liệu dành bao tâm trí cho bảo tồn di sản? Thêm vào đó, bao nhiêu cán bộ ấy được đào tạo bài bản về bảo tồn di sản?! Ở quận, ở huyện cũng có bao nhiêu cán bộ được coi là có kiến thức chuyên sâu về bảo tồn di sản? Như ở thành phố, có cả một Ban quản lý di tích danh thắng, thì có bao nhiêu người có thể được coi là chuyên gia về lĩnh vực này? Vậy mà ở Hà Nội có tới hơn 5 ngàn di sản văn hoá vật thể, với hàng ngàn di sản đã được xếp hạng. Hầu hết các di sản này đều có kết cấu gạch - gỗ với “tuổi đời” hàng trăm năm nay đều đã xuống cấp, nhiều di sản xuống cấp nghiêm trọng. Làm thế nào để lập dự án cho kịp, cho đúng, thật sự là một thách thức với cơ sở. Mặt khác, làm thế nào để hướng dẫn lập dự án, xem xét và có ý kiến đề cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án cho đúng, cho kịp thời cũng là một thách thức không nhỏ với cán bộ quản lý cấp thành phố. Với thực tế như thế,

trong điều kiện tất cả cán bộ đều hết lòng tận tụy với công việc, các thủ tục tài chính thông thoáng, các đơn giá xây dựng trong bảo tồn di tích đã được các cơ quan chức năng thấu hiểu mà giải quyết hợp lý, thì vẫn còn đó sự bất cập trong quản lý di sản văn hoá vật thể Thăng Long – Hà Nội. Quản lý để bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể Thăng Long – Hà Nội còn phức tạp hơn nhiều. Thực trạng rất rõ ràng về sự bất cập là: phân cấp cho cơ sở, thì cơ sở có đủ các nguồn lực để bảo tồn không? Nếu tập trung ở cấp thành phố, thì cần có bao nhiêu cán bộ cho đủ? Việc tăng biên chế cán bộ, viên chức nhà nước lại vi phạm chủ trương giảm biên chế trong tình hình hiện nay. Vậy, bó tay ngồi nhìn di sản văn hoá xuống cấp hoặc bị sụp đổ hay sao? Nhưng nếu cứ làm như đã làm trong thời gian qua, thì tất yếu xảy ra sự cố, và tất cả lại “ào ào” vào cuộc như đã từng diễn ra. Rõ ràng và trước hết, các nhà quản lý văn hóa cần có nhận thức đúng đắn và nghiêm túc về vấn đề này, xây dựng kế hoạch có tính chiến lược và cơ bản. Trước tiên, cần tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học về vấn đề này để thống nhất nhận thức và tìm ra cách làm bài bản. Nếu các cuộc Hội thảo chỉ để nêu vấn đề, chẳng hạn: cần thay đổi trình tự, thủ tục hành chính, cách thức phê duyệt và triển khai dự án bảo tồn di sản văn hoá, mà không có thì giờ để tranh luận, tìm ra giải pháp cụ thể giải quyết vấn đề, thì kết quả Hội thảo không cao, không hiệu quả. Theo chúng tôi, không thể tăng về số lượng cán bộ quản lý di sản văn hoá, mà nhất thiết phải được tăng về chất lượng.

Việc học tập nâng cao tri thức và trình độ nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý di sản văn hoá là yêu cầu bắt buộc. Nhà nước cần có chế độ ưu đãi cụ thể về vật chất và tinh thần cho họ. Có như vậy mới hạn chế được những bất cập hiện nay trong công tác quản lý di sản văn hoá.

Về triển khai cụ thể việc bảo tồn di sản văn hoá cũng không ít vấn đề phải quan tâm thảo luận. Chương trình mục tiêu bảo tồn di tích đã được Nhà nước phê duyệt và triển khai nhiều năm nay. Nhờ chương trình này mà di sản văn hoá được kiểm kê, đánh giá, xếp hạng và bảo tồn. Hà Nội là một trong những địa phương có nhiều thành tích được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khen thưởng. Tuy nhiên, cũng còn không ít việc phải làm. Việc trước tiên, có lẽ vẫn là việc về con người. Không có nhân lực, không thể làm được việc gì. Thủ đô Hà Nội thuận lợi hơn các địa phương khác. Thêm vào đó, ngành văn hoá Hà Nội cũng có riêng một công ty chuyên ngành là Công ty Phục chế các công trình văn hoá. Nhưng nếu hỏi các cán bộ và công nhân ở đây được đào tạo chuyên ngành như thế nào chắc không dễ trả lời. Nhưng dẫu sao thì Công ty cũng có kinh nghiệm trong công việc bảo tồn. Những vấn đề khó cũng có thể tham khảo hoặc mời các công ty của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Theo chúng tôi biết, Bộ cũng chỉ có hai công ty chuyên về lĩnh vực này. Hơn nữa, cả nước cũng đang trông chờ vào các công ty và các chuyên gia chuyên ngành văn hóa. Xem vậy, chúng ta có thể hình dung ra sự thiếu hụt nguồn nhân lực trong lĩnh vực này. Thế nhưng, ngành bảo tồn, bảo tàng không phải là ngành hấp dẫn của Trường

Đại học Văn hoá Hà Nội. Sinh viên của Trường theo học ngành này ít hơn nhiều các ngành khác. Như vậy, nhân lực hiện tại và nguồn nhân lực cho lâu dài đều thiếu, mà các di sản văn hoá cứ xuống cấp theo năm tháng ngày một nhiều hơn. Bất cập này dẫn đến bất cập khác và các sự cố trong bảo tồn di sản dường như là điều khó tránh. Trong kinh tế thị trường, cứ có cầu ắt có cung. Tại sao trong lĩnh vực này, có vẻ như có "cầu", mà "cung" lại thiếu đến thế? Có bao nhiêu chuyên gia làm bảo tồn, bảo tàng được trọng dụng, thăng tiến? Lương bổng và thu nhập của lĩnh vực này ra sao? Những người làm công, làm thợ trong các công ty chuyên ngành bảo tồn di sản văn hoá có thu nhập không cao. Vì sao? Phải chăng vì đơn giá phục chế các công trình văn hoá đang được "áp giá" xây dựng như các công trình dân dụng, dân sinh bình thường khác? Câu chuyện có thực là: đục một viên gạch vỡ đã mục khuyết hơn một nửa trong khối tường Đoan Môn trong Hoàng Thành để thay vào đó viên gạch phục chế có kích thước, màu sắc như nó vốn có lại được "áp giá" như xây một mét tường công trình dân dụng. Giá sản xuất viên gạch như thế không có văn bản nào quy định, nên phải bàn thảo và chờ đợi vài tháng mới duyệt xong. Nhiều khi đang thi công phải tạm ngưng vì yêu cầu của tính văn hoá cho công trình. Vậy là thu nhập của công nhân giảm. Thợ giỏi phải tìm nơi làm việc có thu nhập cao, công việc được triển khai thông thoáng, không bị tạm dừng vì những lý do ngoài xây dựng. Nếu không xem xét giải quyết tận gốc vấn đề, thì chắc chắn người làm trong lĩnh vực bảo tồn di sản ngày một hiếm hơn, người giỏi còn hiếm hơn nữa.

Có người cho rằng, lớp thợ sau không bằng thợ trước là phần nào có lý, vì chúng ta "lãng quên" hay không có chiến lược đào tạo họ trở thành những người thợ giỏi, những chuyên gia bảo tồn và phục chế các di sản văn hóa cho đất nước.

Vấn đề bảo tồn di sản văn hóa còn quá nhiều điều phải bàn. Vấn đề phát huy giá trị di sản có lẽ cũng không ít vấn đề cần quan tâm. Chỉ xem xét về khía cạnh hẹp, di sản văn hóa cần khai thác như là tài nguyên phát triển du lịch bền vững cũng chưa được hiểu và làm một cách bài bản, đúng đắn và hiệu quả. Nhiều nơi "tô vẽ" cho di sản cả nghĩa đen và nghĩa bóng làm mất đi giá trị đích thực của di sản. Nhiều nơi đầu tư cho trùng tu, tôn tạo và quảng bá cũng khá rầm rộ, nhưng di sản vẫn "nằm im", nhiều chỗ vắng như "chùa Bà Đanh", nhất là các di tích cách mạng. Có di sản được nhiều người thăm viếng, nhưng việc bảo vệ bất cập cùng với ý thức kém của khách thăm viếng làm cho di sản xuống cấp về phương diện vật chất, méo mó về ý nghĩa tinh thần. Núp dưới bóng văn hóa tâm linh, hoạt động mê tín dị đoan có vẻ đang nở rộ với nhiều cung bậc khiến người ta phải phiền lòng. Lễ hội được tổ chức cùng với các hoạt động mua bán có tính "chộp giật", thậm chí cả các trò chơi có tính "đỏ - đen" cũng được hoạt động công khai. Nhiều Lễ hội không đem lại cái mong muốn nhất của mọi người là cái văn hóa khi tham gia hay thưởng thức Lễ hội. Nhiều người than phiền về sự lãng phí thời gian vật chất của nhân dân, cùng với ngân sách nhà nước, mà đối với du khách thì không hấp dẫn họ. Du khách đến Hà Nội chỉ để "ăn tối, rồi nước" và hiện tượng "du khách đến rồi đi không trở lại" vẫn là nỗi buồn của

du lịch văn hoá Thăng Long – Hà Nội. Nhưng điều đáng lo lắng hơn thế còn là vấn đề phát huy giá trị di sản văn hóa với nghĩa rộng của nó.

Nhiều người cho rằng, các di sản văn hoá vật thể Thăng Long – Hà Nội thường "nhỏ bé, xinh xinh", không đủ độ hoành tráng để hấp dẫn du khách, đồng thời cũng không mấy thuyết phục giới trẻ tự hào, trân trọng, yêu mến để năng viếng thăm, gìn giữ và phát huy. So với Huế, các công trình của nhà Nguyễn đâu không còn nguyên vẹn cũng còn có điện này, cung nọ để viếng thăm. Ở Hà Nội chỉ còn nền móng cũ, mà ý nghĩa sâu xa của nó chỉ có giới chuyên môn là hiểu được, còn người bình thường xem để biết, để nuôi tiếc, chứ ít có dịp trở lại. Nhiều người phản đối nhận định này. Họ mà cho rằng, nguyên do là chúng ta chưa tuyên truyền, quảng bá đúng với giá trị đích thực của di sản, thêm vào đó, giới trẻ ngày nay chưa được giáo dục tốt về truyền thống, một bộ phận lại bị lôi kéo bởi lối sống thực dụng, nên không trân trọng giá trị văn hoá truyền thống. Các nghệ thuật truyền thống, như chèo, tuồng, cải lương... không phải là "món ăn tinh thần" của giới trẻ, nên rất dễ bị mai một theo thời gian. Vấn đề này đã được bàn thảo nhiều, đến nay câu trả lời vẫn còn để ngỏ. Chúng tôi cho rằng, về lý luận, cần làm rõ khái niệm phát huy giá trị di sản văn hóa là thế nào? Việc bổ sung thêm giá trị mới cho di sản được hiểu và làm như thế nào? Nó khác gì với việc "làm mới" di sản về vật chất và "làm méo, làm mất" di sản về giá trị tinh thần? Bảo tồn đã khó, phát huy còn khó hơn. Không thống nhất trong nhận thức, nhân lực hiện tại và nguồn nhân lực cho lâu dài cũng thiếu thốn, tài lực cũng

không dồi dào..., với tất cả sự thực ấy, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chắc chắn còn nhiều sự cố.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể, cái có thể nhìn thấy, sờ thấy được còn khó như vậy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể còn khó khăn hơn nhiều. Trước tiên lại nói về nhận thức. Có nhiều di sản đã bị bỏ rơi thực thụ vì một thời nó bị đánh đồng với mê tín, dị đoan, hoặc đánh đồng với sự lạc hậu của chế độ phong kiến, hoặc bị gắn cùng với tệ nạn xã hội... Với sự “hăm hở” xây dựng văn hoá mới một cách thiếu hiểu biết, lại thêm khó khăn trong thời chiến, nhiều địa phương không những đã đập phá đình chùa, mà còn cấm đoán việc tổ chức các lễ hội truyền thống. Chính điều đó dẫn đến nội dung, hình thức và cách tổ chức lễ hội đã bị quên lãng. Nay dựng lại từ “trí nhớ” của một số người cao tuổi, mà trước đây, họ chỉ được dự lễ hội lần cuối khi mới ở tuổi vị thành niên, thì làm sao có thể đầy đủ như “nguyên gốc” được. Vậy là làng này theo làng khác, lễ hội cứ na ná giống nhau, cũng quần xanh, áo đỏ, cũng nhạc, cũng trống... chẳng có mấy phần là độc đáo, bản sắc, nên lúc mới còn thấy hay hay, nay nhiều người đã cảm thấy nhàm. Lại thêm nhiều cái mới lai căng, nhiều trò chơi phản cảm và có hại đối với giới trẻ mà báo chí phải nhiều lần lên tiếng. Thế nhưng, đã “vào nếp, đến hẹn lại lên”, đến mùa lễ hội, nên xóm làng, các địa phương lại thi nhau tổ chức lễ hội. "Con gà còn tức nhau tiếng gáy", huống chi làng họ tổ chức được, làng mình lại không? Cái tâm lý “làng xã” cổ hủ ấy lại thức dậy làm cho ý nghĩa của việc bảo tồn giá trị văn hoá trong lễ hội cổ truyền không những không

được, mà còn nảy sinh những hệ lụy mới từ cái “cổ hủ, lạc hậu, làng xã” phong kiến, lỗi thời. Về các di sản nghệ thuật hát xướng dân gian, trò chơi dân gian cũng chung một số phận như thế, nhưng có đặc biệt hơn là nó thường gắn với con người nghệ nhân cụ thể. Ca trù có một thời không được coi trọng, và những người giỏi trong lĩnh vực này thường được nhìn nhận một cách miệt thị là các “con hát”, nghề này là “xướng ca vô loài”. Đến lúc nhận thức đúng về giá trị của ca trù thì những nghệ nhân nổi tiếng đã quá già. Cụ Quách Thị Hồ đã ra đi và mang theo cả giá trị “giọng hát ca trù Quách Thị Hồ”. May thay, Ca trù của Việt Nam được công nhận là Di sản văn hoá thế giới. Những năm gần đây, Ca trù đã được coi trọng, đang được lưu giữ và phát huy tích cực hơn. Hát xẩm cũng bị quên lãng như thế. Giá trị của nó bị coi nhẹ vì lý do khác hơn ca trù là nó thường gắn với một nghề bị coi là thấp hèn trong xã hội Việt Nam, nghề “hát rong”. Mãi đến khi nó được coi trọng như một nghệ thuật truyền thống và nghệ nhân nổi tiếng Hà Thị Cầu được tôn vinh, hát xẩm thực sự mới có cơ hội được bảo tồn và phát huy. Nhiều nghệ thuật truyền thống khác cũng đang được nghiên cứu, bảo tồn và tôn vinh. Đó là sự cố gắng rất được ghi nhận của nhân dân và các cơ quan chức năng. Nhã nhạc cung đình Huế, công chiêng Tây nguyên, Quan họ Bắc Ninh, Hát xoan Phú Thọ... đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể thế giới. Những giá trị đó đang được lưu giữ, phát huy trong đời sống văn hoá hiện đại. Tuy nhiên, cũng đang có những ý kiến khác nhau về việc lưu giữ, phát huy những giá trị này. Có người cho rằng, công chiêng Tây Nguyên

có giá trị cao khi nằm trong không gian văn hoá Tây Nguyên, đem nó “áp vào” không gian khác như đưa lên sân khấu là làm giảm, thậm chí còn làm méo mó giá trị đích thực của nó. Nhiều người lại cho rằng, nếu không đem lên sân khấu để quảng bá, thì làm cách nào để phát huy giá trị của nó? Rõ ràng, từ nhận thức đến cách làm đều còn có nhiều điều phải trao đổi. Về giá trị tranh Hàng Trống cũng đã được biết đến thông qua nhiều cuộc triển lãm về tác phẩm và các “dụng cụ, đồ nghề” truyền thống còn lưu giữ được. Tuy nhiên, tranh Hàng Trống phát huy như thế nào trong đời sống hiện đại quả thật chưa rõ, chưa mấy ấn tượng. Về làng nghề, phố nghề Thăng Long – Hà Nội cũng nhiều điều thú vị. Làng nghề gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc đang được bảo tồn và phát huy khá tốt. Nhưng làng đúc đồng Ngũ Xã, làng hoa Ngọc Hà, làng rau húng Láng... và cả làng đào Nhật Tân, quất Quảng An muốn bảo tồn và phát huy chắc không đơn giản mà có được. Nghề làm nón làng Chuông, nghề sơn cổ truyền Sơn Đồng, làng trạm khảm Nhị Khê, Bún Thanh Trì... cũng đang được lưu giữ và phát huy trong kinh tế thị trường. Tuy nhiên, những làng này được đầu tư ra sao? Việc nghiên cứu để có đề án có tính chiến lược bảo tồn và phát huy nó như thế nào trước áp lực và cơ hội của kinh tế thị trường vẫn đang được bỏ ngỏ. Còn rất nhiều làng nghề truyền thống khác vẫn chưa được coi trọng và chưa có đất phát triển trong điều kiện mới. Về phố nghề còn khó khăn hơn vì xu thế mới và điều kiện cũng như yêu cầu cuộc sống ngày càng khác xa cái vốn có. Các phố Hàng Đường, Hàng Mắm, Hàng Phèn...,

nay nếu chỉ bán đường, bán mắm, bán phèn chắc không còn phù hợp nữa. Phố Lò Rèn, Lò Đúc nay cũng không thể còn rèn, còn đúc được. Tuy nhiên, có một số phố nghề có lúc đã bị quên lãng, nay lại có thể hồi sinh. Có một số tuyến phố chuyển sang hoạt động kinh doanh các lĩnh vực khác, nhưng vẫn làm cho khu phố cổ sôi động bởi hoạt động buôn bán đặc trưng của nó. Người ta đã nghĩ đến việc phục dựng lại nhà cổ trong khu phố cổ sau một thời “lớn tiếng” về giữ gìn phố cổ mà không biết làm thế nào. Bảo tồn nhà cổ số 37 Mã Mây là một cố gắng. Tuy nhiên, mới chỉ cái vỏ vật chất được dựng lại, còn cái hồn sống của nhà cổ ấy chắc phải nhiều công phu?

Về ẩm thực Thăng Long – Hà Nội với tư cách là giá trị di sản văn hoá cũng được đặc biệt quan tâm. Có thể nói, chính kinh tế thị trường đã đem đến sức sống cho nó. Tất nhiên không thể quên công lao to lớn của các nhà văn như Nguyễn Tuân với phở, Bưởi Sơn với các món ngon Hà Nội và nhiều người khác đã thổi hồn cho việc ăn, uống của người Hà Nội như một giá trị văn hoá. Ẩm thực Thăng Long – Hà Nội tài nguyên nhân văn quý giá cho du lịch cần phải được bảo tồn và phát huy như thế nào vẫn còn là một đề tài tiềm năng cho các công trình nghiên cứu một cách hệ thống và có tính ứng dụng cao. An toàn thực phẩm và thói kinh doanh “chộp giật” cũng đang đe dọa việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá đặc sắc này. Người ta đang cố giữ chất lượng, hương vị đặc sản của trà ướp sen Hồ Tây, cốm làng Vòng, chả cá Lã Vọng, bánh Trung thu hương vị truyền thống (chứ không phải bánh, mứt kẹo hiện đại, đắt tiền). Phở Hà Nội đang bị hàn the,

hay “phở thập cẩm, phở quất” (quả quất thay cho quả chanh) làm biến dạng hương vị phở Hà Nội...

Cái đặc trưng đáng tự hào nhất về người Hà Nội là những nét hào hoa, tao nhã, thanh lịch được kết tinh huyền thoại trong các áng văn thơ, xem ra đã nhiều phần mai một trong cuộc sống hiện thực hôm nay. Có người cho rằng, nguyên nhân là do người Hà Nội nay đã bị pha tạp, người Hà Nội gốc ít hơn người Hà Nội nhập cư. Tuy nhiên, cũng có người cho rằng, nguyên nhân không phải thế. Thực tế, có những người ở Hà Nội đã ba bốn đời nay vẫn nói ngọng tiếng Việt, vẫn ứng xử không được thanh lịch, văn minh. Hơn nữa, không nên “chia rẽ”, đổ tiếng không thơm cho nhau trong vấn đề này. Chuẩn mực văn hoá thanh lịch, văn minh là chung cho mọi người. Phải giáo dục, bồi dưỡng, tu dưỡng và rèn luyện thường xuyên trong mọi hoàn cảnh để trở thành nếp sống, thói quen thích ứng với điều kiện sống hiện đại, mà vẫn giữ được cốt cách người Hà Nội thanh lịch. Dù là người ở đâu, đến Hà Nội sinh sống và làm việc đều phải học tập và rèn luyện theo chuẩn mực thanh lịch truyền thống và văn minh, hiện đại. Tuy nhiên, cụ thể hoá thanh lịch là thế nào đang gặp những khó khăn nhất định. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã cho biên soạn bộ tài liệu và đưa vào giảng dạy tại các trường phổ thông Hà Nội: Giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh cho học sinh Hà Nội. Đây là một việc làm hết sức có ý nghĩa cần được khuyến khích và kiên trì thực hiện trong nhiều năm. Tuy nhiên, thế vẫn chưa đủ. Mỗi công dân Thủ đô, mỗi gia đình Hà Nội phải thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch ở mọi nơi để người Hà Nội thật đáng yêu, đáng trọng bởi những nét thanh lịch đặc trưng của người Hà Nội được lưu giữ và phát huy, bởi nếp sống văn minh ngay trong đời sống

thường ngày của chính mình và trong cảm nhận của bạn bè gần xa.

Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Thăng Long - Hà Nội không mới, nhưng vẫn còn đó bao điều cần phải làm rõ trong nghiên cứu cũng như trong hoạt động thực tiễn hiện nay đối với tất cả những ai trăn trở bởi tình yêu Thăng Long - Hà ngàn năm văn hiến. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Thăng Long - Hà Nội chính là làm cho đất địa linh nhân kiệt tiếp tục hội tụ tinh hoa văn hóa, tỏa sáng như nó vốn có, và còn phong phú, giàu có hơn lên mãi theo thời gian...

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết TW 5 khoá VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Hồ Chí Minh, 2000. *Về Công tác tư tưởng Văn hoá*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Luật Di sản.
4. Bộ ngoại giao, 1995. *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Việt Chúc (chủ biên), 2002. *Những giá trị lịch sử văn hoá 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Duy, 2001. *Văn hoá Tâm linh*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Huy Hoàng, 2000. *Văn hoá trong nhận thức Duy vật lịch sử của C.Mác*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Đỗ Thị Minh Thuý, 2006. *Tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề văn hoá trong phát triển*. Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.
8. Lưu Minh Trị (Chủ biên), 2011.
9. E.B.Tylor, 2001. Hà Nội truyền thống và di sản, Nxb. Văn hóa Thông tin. Hà Nội Văn hoá nguyên thủy, Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, Hà Nội.